

Kinh tế Việt Nam: những điểm sáng năm 2011 và thách thức năm 2012

NGUYỄN HỮU ĐẠT
NGUYỄN MINH PHONG

*T*ình hình kinh tế xã hội ở nước ta trước và trong năm 2011 cho thấy, khó khăn, thách thức đều lớn hơn so với dự báo. Trước bối cảnh đó, Chính phủ đã kịp thời ban hành Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24-2-2011 về những giải pháp điều hành phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới. Bộ Chính trị cũng đã có Kết luận số 02 và Quốc hội ban hành Nghị quyết số 59 về điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2011. Đó là những quyết sách kịp thời, đúng đắn, thể hiện bước tiến mới trong tư duy phát triển và khả năng phản ứng chính sách của Đảng, Nhà nước ta, được nhân dân đồng tình ủng hộ và quốc tế đánh giá cao. Nhờ vậy nền kinh tế nước ta về cuối năm càng có những chuyển biến theo chiều hướng tích cực. Vậy đâu là những điểm sáng của năm 2011 và những thách thức gì đặt ra trong năm 2012 mà Việt Nam cần phải nỗ lực vượt qua? Đó là nội dung của bài viết này.

1. Những điểm sáng trong phát triển kinh tế năm 2011

1.1. Lạm phát giảm dần, cân đối tài chính vĩ mô có sự chuyển biến tích cực

Từ tháng 5-2011 mức tăng CPI đã giảm dần (so với tháng trước, CPI tháng 4-2011 tăng 3,32%, tháng 5-2011: 2,21%, tháng 6-2011: 1,09%, tháng 7-2011: 1,17%, tháng 8-2011: 0,93%, tháng 9-2011: 0,82%, tháng 10-2011 tăng 0,38%, tháng 11-2011 tăng 0,39%, tháng 12-2011 tăng 0,52%); so với tháng 12-2010, CPI tháng 12-2011 tăng 18,13%. Tính chung, CPI năm 2011 tăng 18,72% so với năm 2010, và tăng 37,72% so với kỳ gốc năm 2009.

Chính phủ đã nhất quán điều hành chính sách tài khóa thắt chặt, tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, đồng thời rà soát, cắt giảm và sắp xếp lại đầu tư công (đến nay, tổng số vốn cắt giảm, điều chuyển là 81.500 tỷ đồng). Tập trung vốn cho các công trình quan trọng, cấp bách, sắp hoàn thành (nhờ đó, đã tập trung vốn

hoàn thành thêm được 1.053 dự án trong năm 2011); miễn, giảm nhiều loại thuế cho doanh nghiệp và cá nhân (giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động, giảm 50% mức thuế khoán, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân cho một số đối tượng; giảm từ 50-100% thuế thu nhập cá nhân đối với cổ tức được chia trong hoạt động đầu tư chứng khoán; miễn thuế thu nhập cá nhân ở bậc 1 của biểu thuế). Kết quả là, bội chi ngân sách nhà nước cả năm 2011 giảm xuống còn 4,9% GDP (kế hoạch là 5,3%), thu ngân sách tăng, đáp ứng nhu cầu chi và dành một phần để tăng chi trả nợ. Chính sách tiền tệ được xử lý chặt chẽ, linh hoạt và có nhiều quyết đoán mạnh mẽ hơn: ước cả năm, tổng dư nợ tín dụng tăng 12%, tổng phương tiện thanh toán tăng 12,5%; vốn tín dụng được ưu tiên cho sản xuất nông nghiệp, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ

Nguyễn Hữu Đạt, PGS.TS., Viện Kinh tế Việt Nam;
Nguyễn Minh Phong, TS., Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế-xã hội Hà Nội.

và vừa. Giảm tỷ trọng vốn vay của khu vực phi sản xuất; lãi suất tín dụng đã có xu hướng giảm. Thị trường ngoại hối chuyển biến tích cực, tỷ giá dần ổn định, trạng thái ngoại hối của hệ thống ngân hàng, dự trữ ngoại tệ và cán cân thanh toán quốc tế được cải thiện. Mua bán ngoại tệ và kinh doanh vàng được kiểm soát khá chặt chẽ và có kết quả bước đầu. Nợ công được giữ ở mức an toàn (cuối năm 2011 ước khoảng 54,6% GDP). An ninh năng lượng và an ninh lương thực được bảo đảm.

Tổng thu ngân sách nhà nước từ đầu năm đến ngày 15-11-2011 ước tính đạt 586,2 nghìn tỷ đồng, bằng 98,5% dự toán năm, trong đó thu nội địa 359,1 nghìn tỷ đồng, bằng 94%; thu từ dầu thô 90,3 nghìn tỷ đồng, bằng 130,3%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu 132,1 nghìn tỷ đồng, bằng 95,2%. Trong thu nội địa, thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước bằng 85,6% dự toán năm; thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể dầu thô) bằng 86,9%; thu thuế công, thương nghiệp và dịch vụ ngoài nhà nước bằng 93,2%; thuế thu nhập cá nhân bằng 113,5%; thu phí xăng dầu bằng 72,1%; thu phí, lệ phí bằng 80,5%. Tổng chi ngân sách nhà nước từ đầu năm đến ngày 15-11-2011 ước tính đạt 639,1 nghìn tỷ đồng, bằng 88,1% dự toán năm, trong đó chi đầu tư phát triển 133,2 nghìn tỷ đồng, bằng 87,6% (riêng chi đầu tư xây dựng cơ bản 127 nghìn tỷ đồng, bằng 87,4%); chi phát triển sự nghiệp kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể 419,5 nghìn tỷ đồng, bằng 89,4%; chi trả nợ và viện trợ 86,4 nghìn tỷ đồng, bằng 100,4%.

Thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài từ đầu năm đến ngày 20-11-2011 đạt 12.697,4 triệu USD, bằng 83,8% cùng kỳ năm 2010, bao gồm: vốn đăng ký 9914,5 triệu USD của 919 dự án được cấp phép mới (giảm 25,4% về vốn và giảm 21,3% về số dự

án so với cùng kỳ năm trước); vốn đăng ký bổ sung 2782,9 triệu USD của 324 lượt dự án được cấp phép từ các năm trước. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện mười một tháng năm 2011 ước tính đạt 10.100 triệu USD, tăng 1% so với cùng kỳ năm trước. Trong các ngành kinh tế thu hút vốn đầu tư nước ngoài mười một tháng năm 2011, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có số vốn đăng ký lớn nhất với 6240,1 triệu USD, bao gồm 4560,3 triệu USD vốn đăng ký mới và 1679,8 triệu USD vốn tăng thêm; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 2526,8 triệu USD, bao gồm 2525,7 triệu USD vốn đăng ký mới và 1,1 triệu USD vốn tăng thêm; ngành xây dựng đạt 1194,5 triệu USD, bao gồm 1002 triệu USD vốn đăng ký mới và 192,5 triệu USD vốn tăng thêm. Trong mười một tháng năm 2011, cả nước có 48 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp phép mới, trong đó Hải Dương dẫn đầu về vốn đăng ký với 2497,7 triệu USD, chiếm 25,2% tổng vốn đăng ký; tiếp đến là thành phố Hồ Chí Minh 1918,7 triệu USD, chiếm 19,4%; Bà Rịa-Vũng Tàu 880,8 triệu USD, chiếm 8,9%; Hải Phòng 594,4 triệu USD, chiếm 6%; Hà Nội 513,1 triệu USD, chiếm 5,2%; Tây Ninh 481,4 triệu USD, chiếm 4,9%. Trong số 52 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam mười một tháng năm 2011, Đặc khu hành chính Hồng Kông (Trung Quốc) là nhà đầu tư lớn nhất với 2946,7 triệu USD, chiếm 29,7% tổng vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Nhật Bản 1604,8 triệu USD, chiếm 16,2%; Xingapo 1435,3 triệu USD, chiếm 14,5%; Trung Quốc 586,7 triệu USD, chiếm 5,9%; Hàn Quốc 571 triệu USD, chiếm 5,8%; Quần đảo Virgin thuộc Anh 372,8 triệu USD, chiếm 3,8%.

1.2. Nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng khá mạnh

Tốc độ tăng trưởng kinh tế vẫn được duy

trì liên tục, quý sau cao hơn quý trước (GDP quý I/2011 tăng 5,43%, quý II/2011 tăng 5,67%, quý III/2011 tăng 6,11%;). Cả năm 2011, mức tăng GDP của Việt Nam đạt 5,89%. Nông nghiệp phát triển khá toàn diện, đạt mức kỷ lục về sản xuất lương thực và xuất khẩu gạo, thu nhập và đời sống của nông dân được cải thiện, giá trị sản xuất nông nghiệp ước cả năm 2011 tăng 3,6%; chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ước cả năm tăng khoảng 7%; khu vực dịch tăng 6,4%. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2011 tăng trên 24%. Khách quốc tế đến nước ta ước tăng hơn 16%, trong đó khách đến với mục đích du lịch, nghỉ dưỡng tăng hơn 13%; đến vì công việc giảm 4,8%; thăm thân nhân tăng hơn 71%. Khách quốc tế đến nước ta bằng đường hàng không tăng trên 21%; đến bằng đường biển giảm 30%; đến bằng đường bộ giảm 2,9%. Khách quốc tế đến Việt Nam từ hầu hết các quốc gia và vùng lãnh thổ đều tăng, trong đó khách đến từ Trung Quốc tăng hơn 49%; Hàn Quốc tăng hơn 5,1%; Nhật Bản tăng hơn 6,8%; Hoa Kỳ tăng hơn 0,8%; Campuchia tăng tới trên 61%; Đài Loan tăng khoảng 6,5%; Ôxtrâyliatăng khoảng 3,4%; Malaixia tăng khoảng 9,9%; Pháp tăng trên 2,3%... Hoạt động vận tải tăng 11,2%. Kim ngạch xuất khẩu ước cả năm đạt khoảng 96 tỷ USD, tăng 31,6%, cao hơn 3 lần chỉ tiêu Quốc hội thông qua (10%). Kim ngạch nhập khẩu ước cả năm 2011 đạt 106 tỷ USD, tăng 23,8% so năm 2010. Xuất khẩu tăng cao, nhập khẩu được kiểm soát. Nhập siêu giảm mạnh, cả năm dự kiến khoảng 10 tỷ USD, bằng 10,5% tổng kim ngạch xuất khẩu, thấp hơn chỉ tiêu kế hoạch (không quá 18%), đã góp phần tích cực cải thiện cán cân thanh toán và ổn định tỷ giá.

1.3. An sinh và các vấn đề xã hội bức xúc được quan tâm tháo gỡ

Trong điều kiện giá cả thị trường tăng cao, thiên tai, dịch bệnh xảy ra liên tiếp,

Chính phủ đã tập trung chỉ đạo bảo đảm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội. Cùng với việc ưu tiên nguồn lực để thực hiện các chương trình và chính sách hiện có, trọng tâm là hỗ trợ xóa đói giảm nghèo; tạo việc làm gắn với đào tạo nghề; trợ giúp xã hội, nhất là trợ giúp khó khăn và khắc phục hậu quả thiên tai; hỗ trợ nhân dân tham gia hệ thống bảo hiểm và tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản; nhiều chế độ, chính sách về an sinh xã hội và phúc lợi xã hội đã được ban hành mới hoặc sửa đổi bổ sung theo hướng tăng mức hỗ trợ và mở rộng diện thụ hưởng nhằm giúp người nghèo, người có thu nhập thấp, các đối tượng chính sách vượt qua khó khăn. Chương trình hỗ trợ xây nhà ở cho người nghèo, nhà ở sinh viên và xây dựng cụm tuyến dân cư vùng ngập lũ Đồng bằng sông Cửu Long đạt kết quả tích cực. Số người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế đều tăng. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được quan tâm triển khai. Đã thực hiện hỗ trợ cho người thu nhập thấp có đời sống khó khăn; hỗ trợ hộ nghèo khi điều chỉnh giá điện; nâng mức tiền ăn cho lực lượng vũ trang; nâng mức cho học sinh, sinh viên vay để học tập; điều chỉnh tăng mức lương tối thiểu và các chế độ liên quan; thực hiện chế độ phụ cấp công vụ, phụ cấp cho nhà giáo, cán bộ y tế; chính sách đối với người có công, thanh niên xung phong, người cao tuổi, người công tác ở vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn, trợ giúp xã hội cho một số đối tượng; ban hành chuẩn nghèo, cận nghèo mới và Nghị quyết về giảm nghèo bền vững thời kỳ 2011 - 2020... Tính chung năm 2011, có 609,6 nghìn lượt hộ thiếu đói trên cả nước, giảm 18,6% so với cùng kỳ năm trước, tương ứng với 2.563 nghìn lượt nhân khẩu bị thiếu đói, giảm 12%. Để khắc phục tình trạng thiếu đói, từ đầu năm các cấp, các ngành và địa phương đã hỗ trợ các hộ thiếu đói khoảng 17.000 nghìn tấn lương thực và

trên 9 tỷ đồng.

Chi ngân sách nhà nước để thực hiện chính sách an sinh xã hội ước cả năm khoảng 84 nghìn tỷ đồng, tăng gần 20% so với năm 2010. Dư nợ tín dụng ưu đãi thực hiện chính sách an sinh xã hội ước đến ngày 31-12-2011 là 104,5 nghìn tỷ đồng, tăng 17% so với cùng kỳ năm 2010. Ngoài ra, đã xuất dự trữ quốc gia để cứu trợ, cứu đói cho nhân dân, chủ yếu ở vùng bị thiên tai hơn 62 nghìn tấn gạo và xuất cấp các vật tư, thiết bị khoảng 574 tỷ đồng. Các cấp, các ngành, các đoàn thể cũng đã hỗ trợ các hộ thiếu đói khoảng 17 nghìn tấn lương thực và trên 9 tỷ đồng... Cả năm, ước tạo được 1,54 triệu việc làm mới; thất nghiệp ở khu vực thành thị khoảng 4%; tỷ lệ hộ nghèo giảm khoảng 1,5%.

2. Thách thức và giải pháp phát triển kinh tế năm 2012

2.1. Một số khó khăn và thuận lợi trong năm 2012

2.1.1. Một số khó khăn

Một là, Việt Nam tiếp tục triển khai sâu rộng các cam kết trong Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), khu vực mậu dịch tự do ASEAN và ASEAN+, tạo ra những cơ hội to lớn cho thu hút đầu tư và phát triển xuất khẩu, nhưng cũng đặt ra những thách thức gay gắt đối với sức cạnh tranh của nền kinh tế đang trong quá trình chuyển đổi và khả năng phản ứng chính sách, phản ứng thị trường trước những diễn biến phức tạp của thị trường.

Hai là, thành tựu đạt được chưa tương xứng với tiềm năng, kinh tế phát triển thiếu bền vững, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh còn thấp, kinh tế vĩ mô chưa vững chắc. Những hạn chế, yếu kém trong các lĩnh vực văn hóa; xã hội, môi trường chậm được khắc phục. Vẫn đang tiềm ẩn những nhân tố đe dọa chủ quyền quốc gia và gây mất an ninh trật tự; nguy cơ bùng phát thiên tai, dịch bệnh. Đặc biệt, lạm phát và

mặt bằng lãi suất có thể vẫn khá cao; nợ xấu của hệ thống ngân hàng tăng, thanh khoản của một số ngân hàng thương mại khó khăn; nhập siêu lớn, cán cân thanh toán quốc tế thâm hụt, dự trữ ngoại hối khó cải thiện gây áp lực lên thị trường tiền tệ và tỷ giá; giá vàng trên thị trường có nhiều khả năng vẫn biến động bất thường; sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn. Nguy cơ mất ổn định kinh tế vĩ mô có thể trở thành thách thức lớn hơn nếu không có giải pháp quyết liệt, hiệu quả. Ngoài ra, những thách thức, yêu cầu tạo đột phá về thể chế, cơ sở hạ tầng, nhân lực (tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 40% năm 2011) và cơ cấu kinh tế cũng ngày càng đậm nét; thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản chưa có nhiều triển vọng bứt phá. Tham nhũng, lãng phí chưa được đẩy lùi; đình công xảy ra ở nhiều nơi; tội phạm và tệ nạn xã hội chưa giảm. Hệ số tín nhiệm quốc gia thấp và chỉ số cạnh tranh tự bậc liên tiếp nhiều năm...

Ba là, kinh tế xã hội nước ta tiếp tục chịu ảnh hưởng tiêu cực từ khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế toàn cầu và biến động chính trị ở nhiều nước trên thế giới có thể đột biến, kéo dài và nặng nề. Một số khó khăn và thách thức thị trường có thể lớn hơn và khó lường hơn so với dự báo: *một mặt*, giá nhiều mặt hàng tiêu dùng điện và điện tử sẽ có xu hướng giảm, nhất là những mặt hàng trong diện giảm thuế theo lộ trình hội nhập của Việt Nam trong khuôn khổ AFTA, WTO và một số FTA, cũng như thỏa thuận thương mại đặc biệt khác...; *mặt khác*, giá lương thực thực phẩm, giá dầu thô và nguyên vật liệu trên thị trường quốc tế có thể tăng cao dần; thị trường chứng khoán tiếp tục trầm lắng, trì trệ; khủng hoảng nợ công ở nhiều nước tiếp tục nặng thêm; tăng trưởng kinh tế thế giới chậm lại, lạm phát cao tại nhiều quốc gia phát triển cũng như đang phát triển và mới nổi; khả năng tiếp tục đậm hơn xu hướng bảo hộ kỹ thuật các

thị trường xuất khẩu quốc tế quan trọng của Việt Nam...; *đặc biệt*, giá vàng sẽ tiếp tục biến động mạnh, nhiều đồng tiền chủ chốt trên thế giới tiếp tục xu hướng yếu và yếu hơn, kể cả đôla Mỹ, Euro; khả năng đồng Nhân dân tệ, Yên Nhật và Rúp Nga sẽ tăng giá chậm...

Ngày 20-9-2011, Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) hạ dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới xuống còn 4% cho 2 năm 2011 và 2012, thấp hơn 0,3% so với dự báo đưa ra vào tháng 6. Liên tiếp sau đó, Citigroup, Fitch và Goldman Sachs cũng điều chỉnh mức dự báo cho tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

Bộ phận nghiên cứu và phân tích của Citigroup ngày 29-9-2011 dự báo tăng trưởng GDP thế giới sẽ giảm xuống 3% trong năm 2011 và 2,9% trong năm 2012. Đây là lần thứ 2 Citigroup hạ dự báo trong chưa đầy một tháng.

Kém lạc quan hơn, hãng xếp hạng tín nhiệm của Pháp, Fitch dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2011 nhiều khả năng chỉ ở mức 2,6%, thay vì con số 3,1% do chính hãng này đưa ra hồi đầu năm 2011. Tuy nhiên, mức giảm mạnh nhất sẽ đến vào năm 2012 khi tốc độ tăng GDP toàn cầu chỉ ở mức 2,7%, giảm tới 0,7% so với dự báo trước đó.

Goldman Sachs là tổ chức tiếp theo công bố dự báo tăng trưởng tiêu cực cho nền kinh tế thế giới với mức 3,8% trong năm 2011 và 3,5% trong năm 2012. Đồng thời, hãng này cũng dự báo giá dầu thế giới cuối năm 2011 giảm 6% và giảm 12% vào năm 2012 do nhu cầu nhiên liệu giảm trong hoàn cảnh kinh tế thế giới lâm vào suy thoái. Mức tăng trưởng của các nền kinh tế chủ chốt cũng được dự báo giảm.

Trong khi Fitch cho rằng kinh tế Mỹ năm 2012 sẽ tăng trưởng cao hơn với mức 1,8%, thì Goldman Sachs lại dự báo có 1,4% sau khi đã đạt 1,7% trong năm 2011. Lạc quan vào nền kinh tế Châu Âu, IMF đưa ra dự báo tăng trưởng 1,1%, cao hơn nhiều so với

mức 0,8% của Fitch và 0,1% của Goldman Sachs....

Tóm lại, dù khác nhau về chi tiết và con số cụ thể, nhưng tinh thần chung của các dự báo nêu trên đều thống nhất cho rằng kinh tế thế giới và của nhiều nước năm 2012 sẽ tiêu cực hơn năm 2011.

2.1.2. Một số thuận lợi

Một là, Việt Nam đã có một số thành tựu quan trọng về tăng trưởng kinh tế. Thị trường ngoại hối chuyển biến tích cực, tỷ giá dần ổn định, trạng thái ngoại hối của hệ thống ngân hàng, dự trữ ngoại tệ và cán cân thanh toán quốc tế được cải thiện. Mua bán ngoại tệ và kinh doanh vàng được kiểm soát kết quả bước đầu. Nợ công được giữ ở mức an toàn. An ninh năng lượng và an ninh lương thực được bảo đảm; quy mô nền kinh tế tăng lên, các ngành kinh tế xã hội đều có bước phát triển; đời sống nhân dân được cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh; đã hoàn thành hầu hết các mục tiêu thiên niên kỷ; dân chủ trong xã hội có nhiều tiến bộ, khối đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được tăng cường. Chính trị xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh và chủ quyền quốc gia được giữ vững; hội nhập quốc tế và hoạt động đối ngoại đạt được những kết quả tích cực. Vị thế và uy tín quốc tế của Việt Nam ngày càng được nâng cao, tạo được môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển đất nước. Nước ta đã ra khỏi tình trạng kém phát triển, bước vào nhóm nước đang phát triển có thu nhập trung bình.

Hai là, cơ chế, chính sách quản lý khoa học, công nghệ tiếp tục được đổi mới. Năng lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có bước tiến đáng kể. Thị trường công nghệ từng bước phát triển, giá trị mua bán công nghệ 8 tháng đầu năm 2011 tăng 76% so với cùng kỳ năm 2010. Hệ thống các tổ chức khoa học, công nghệ được củng cố và nâng cao hiệu quả theo hướng chuyển sang hoạt động theo cơ chế tự chủ hoặc chuyển

sang doanh nghiệp. Hoạt động hợp tác, đầu tư với nước ngoài được khuyến khích. Đã triển khai nhiều chương trình, đề án lớn về: đổi mới, phát triển công nghệ quốc gia; nâng cao năng suất, chất lượng hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam; hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ; ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển nông thôn, miền núi; đã tạo ra 19 giống ngô mới năng suất cao và Việt Nam hiện là nước có năng suất ngô đứng đầu khu vực Đông Nam Á; tạo được giống lúa lai 3 dòng có chất lượng gạo tương đương giống lúa có chất lượng tốt nhất của Trung Quốc; kỹ thuật ghép tạng, can thiệp mạch trong ngành y... đã đạt trình độ của các nước tiên tiến trên thế giới.

Ba là, Đảng và Nhà nước đã và đang có những nhận thức mới cả về lý luận và tư tưởng chỉ đạo, điều hành và chính sách ứng phó trên cơ sở phân tích kỹ tình hình, tham vấn các chuyên gia và tổ chức quốc tế, được nhân dân đồng tình ủng hộ và quốc tế đánh giá cao. Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục đẩy mạnh đơn giản hóa thủ tục hành chính, đến giữa tháng 9-2011 đã hoàn thành hơn 3.000 thủ tục trong tổng số gần 5.000 thủ tục phải đơn giản hóa, đạt 68%, tạo thuận lợi hơn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và giao dịch của công dân (năm 2011, đã thực hiện giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động, giảm 50% mức thuế khoán thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân cho một số đối tượng; giảm từ 50-100% thuế thu nhập cá nhân đối với cổ tức được chia trong hoạt động đầu tư chứng khoán; miễn thuế thu nhập cá nhân ở bậc 1 của biểu thuế).

Bốn là, Việt Nam đã ký kết thêm nhiều hiệp định và thỏa thuận quan trọng về hợp tác toàn diện và chiến lược với các đối tác lớn, như Nhật, Đức, Mỹ, Philipin và một số nước khác...

Năm là, đội ngũ doanh nghiệp và doanh nhân Việt Nam có nhiều kinh nghiệm, bản lĩnh và quyết tâm đổi mới và phát triển hơn; có ngày càng nhiều (năm 2011 là 19) mặt, nhóm hàng xuất khẩu trên 1 tỷ USD và một số thương hiệu ngày càng mạnh (xuất khẩu dệt may hoàn thành kế hoạch năm 2011 là có thể đạt 13 tỷ USD; xuất khẩu lương thực năm 2011 đạt mức kỷ lục, trên 7 triệu tấn; đồng thời, vẫn bảo đảm đủ lương thực tiêu dùng trong nước và dự trữ). Đã hình thành một số tập đoàn kinh doanh tư nhân, nhà nước có triển vọng phát triển ổn định...

Sáu là, Việt Nam có nền chính trị - xã hội ổn định, lợi thế của một nước đi sau đang trong quá trình công nghiệp hóa, nền nông nghiệp giàu tiềm năng và thị trường nội địa gần 90 triệu dân với sức mua đang tăng lên (trong hơn 50 triệu lao động hiện nay, số người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc là 9,8 triệu, bảo hiểm xã hội tự nguyện khoảng 87 nghìn người, bảo hiểm thất nghiệp gần 7,6 triệu người). Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đã tăng từ gần 60% năm 2010 lên 62% năm 2011; có hơn 15 triệu người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng khó khăn và khoảng 7 triệu trẻ em dưới 6 tuổi được cấp thẻ BHYT, khám chữa bệnh miễn phí. Đặc biệt, Việt Nam vẫn được cộng đồng doanh nghiệp và nhiều tổ chức thế giới tin cậy vào sự ổn định và triển vọng đầu tư tốt cả về trung và dài hạn. Trong "Tổng quan kinh tế thế giới năm 2011" công bố tháng 9-2011, IMF đã đưa ra những dự báo khá lạc quan cho Việt Nam, cụ thể: Việt Nam sẽ đạt mức tăng trưởng GDP năm 2012 là 6,3%, cao hơn so với mức tăng chỉ 5,8% năm 2011, và năm 2013 GDP của Việt Nam sẽ tăng tới 7,5%; còn mức lạm phát năm 2011 là 19%, nhưng sẽ hạ thấp xuống chỉ còn 8,1% mà thôi, dù vẫn thuộc hàng cao trên thế giới...

2.2. Một số nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm phát triển kinh tế năm 2012

Mục tiêu tổng quát năm 2012 mà Chính phủ đưa ra là: ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì tăng trưởng ở mức hợp lý gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; bảo đảm phúc lợi xã hội, an sinh xã hội và cải thiện đời sống nhân dân; giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội; nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế. Năm 2012, Việt Nam phấn đấu kiềm chế lạm phát dưới 10%; tăng GDP khoảng 6-6,5%; bội chi ngân sách nhà nước bằng 4,8% GDP. Dự kiến đến cuối năm 2012 nợ công khoảng 58,4% GDP; tổng kim ngạch xuất khẩu dự kiến tăng khoảng 12-13% so với năm 2011; nhập siêu 11,5-12% tổng kim ngạch xuất khẩu; tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội bằng khoảng 33,5-34% GDP. Để thực hiện mục tiêu kinh tế đã đề ra cần tập trung vào 5 nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm sau:

2.2.1. Ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo các cân đối lớn của nền kinh tế

Năm 2012, việc ổn định kinh tế vĩ mô phải được xác định là nền tảng quan trọng cho việc thực hiện nhiệm vụ trong cả giai đoạn 2011-2015 với các trọng tâm là kiểm soát lạm phát, bình ổn thị trường giá cả, cải thiện cán cân thanh toán và phấn đấu giảm bội chi ngân sách.

Chính phủ chủ trương tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chặt chẽ, thận trọng và linh hoạt theo tín hiệu thị trường; kết hợp hài hòa giữa chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa để kiểm soát lạm phát, bảo đảm tăng tổng phương tiện thanh toán và tăng dư nợ tín dụng hàng năm không vượt quá mức đề ra trong Nghị quyết 11/NQ-CP.

Giữ mặt bằng lãi suất hợp lý. Điều hành tỷ giá chủ động, phù hợp, không để biến động lớn. Giám sát chặt chẽ hoạt động tín dụng của các ngân hàng thương mại; bảo đảm vốn cho sản xuất; kiểm soát chặt cho vay bất động sản và kinh doanh chứng khoán; kiểm soát nợ xấu, bảo đảm thanh khoản và an toàn hệ thống ngân hàng.

Thực hiện chính sách tài khóa chặt chẽ, phấn đấu giảm bội chi ngân sách. Tiếp tục thực hiện chủ trương tiết kiệm chi thường xuyên. Rà soát, sắp xếp lại danh mục đầu tư công, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và chuyển một phần đầu tư nhà nước sang đầu tư từ các nguồn vốn khác. Kiểm soát chặt chẽ hiệu quả đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước. Bảo đảm nợ công trong giới hạn an toàn.

Tăng cường quản lý nhà nước về giá. Ngăn chặn và kiên quyết xử lý các hành vi tăng giá bất hợp lý, nhất là đối với các nguyên vật liệu quan trọng và các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu. Tiếp tục lộ trình điều chỉnh giá các mặt hàng theo cơ chế thị trường, thực hiện công khai minh bạch giá các hàng hóa này, đồng thời có cơ chế hỗ trợ cho người nghèo và các đối tượng chính sách. Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền để hạn chế tối đa các tác động tăng giá do yếu tố tâm lý.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp để giảm nhập siêu và cải thiện cán cân thanh toán. Đẩy mạnh xuất khẩu, tăng hàm lượng nội địa và giá trị gia tăng của sản phẩm; phát triển sản xuất thay thế có hiệu quả hàng nhập khẩu; kiểm soát chặt chẽ nhập khẩu các mặt hàng không khuyến khích.

Thu hút và đẩy nhanh tiến độ giải ngân các nguồn vốn ODA và FDI đi đôi với việc kiểm soát, ngăn chặn việc chuyển giá, trốn thuế. Tăng cường quản lý các dòng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài (FII).

Tạo điều kiện thuận lợi để tăng khách du lịch quốc tế và nguồn kiều hối.

2.2.2. Ưu tiên nguồn lực thực hiện ba đột phá chiến lược và tái cơ cấu nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh

Thực hiện nhất quán chủ trương đổi mới mô hình tăng trưởng từ phát triển theo chiều rộng sang phát triển theo chiều sâu, từ dựa chủ yếu vào tăng vốn đầu tư, khai thác tài nguyên và lao động chất lượng thấp sang dựa vào hiệu quả, năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế trên cơ sở áp dụng những thành tựu mới về khoa học, công nghệ, nguồn nhân lực chất lượng cao và kỹ năng quản lý hiện đại. Đây là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa cơ bản và lâu dài, cần được tiến hành đồng bộ gắn với các đột phá chiến lược theo một chương trình tổng thể. Hoàn thiện cơ chế chính sách để huy động các nguồn lực cho phát triển và nâng cao hiệu quả đầu tư; đa dạng các hình thức đầu tư theo các cơ chế BOT, BT, BTO...; đẩy mạnh hình thức hợp tác công tư (PPP) để phát triển hạ tầng có quy mô lớn, nhằm tạo bước đột phá trong lĩnh vực quan trọng này.

Hoàn thiện cơ chế huy động các nguồn lực để thực hiện các đột phá theo một lộ trình hợp lý. Ưu tiên cho các lĩnh vực, dự án có tác động lan tỏa cao, tạo tiền đề tái cơ cấu nền kinh tế. Ngay từ năm 2012, cần tập trung vào 3 lĩnh vực trọng tâm là tái cơ cấu đầu tư, trước hết là đầu tư công, góp phần thúc đẩy tái cơ cấu các ngành kinh tế và phân bố lại lực lượng sản xuất trên từng vùng lãnh thổ; tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là các tập đoàn và tổng công ty; tái cơ cấu hệ thống tài chính tiền tệ, trọng tâm là hệ thống ngân hàng thương mại và các định chế tài chính.

Phải đổi mới tư duy về đầu tư, từng bước điều chỉnh cơ cấu đầu tư công theo hướng giảm dần tỷ trọng và nâng cao hiệu quả; kiên quyết khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải và tăng cường huy động các nguồn vốn

khác cho phát triển. Năm 2012, phải thực hiện nghiêm kết luận của Hội nghị Trung ương lần thứ III và Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước, trái phiếu chính phủ và kiểm soát chặt chẽ đầu tư của doanh nghiệp nhà nước. Phải đổi mới cơ chế phân bổ vốn đầu tư; kiên quyết tập trung vốn cho các công trình dự án cấp thiết, sớm hoàn thành, nhanh đưa vào sử dụng để phát huy hiệu quả. Ưu tiên bố trí vốn cho các công trình đã hoàn thành và đã đưa vào sử dụng, các công trình cần thiết phải hoàn thành trong năm 2012 và vốn đối ứng cho các dự án ODA. Các dự án, công trình khởi công mới phải được kiểm soát chặt chẽ, xác định rõ nguồn vốn, bảo đảm hiệu quả và đủ thủ tục đầu tư. Đối với các dự án đang được đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu chính phủ nhưng không có nguồn để bố trí tiếp thì chuyển sang các hình thức đầu tư khác hoặc phải tạm đình chỉ.

Khẩn trương sửa đổi quy chế phân cấp quản lý đầu tư, trước hết là đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước và trái phiếu chính phủ theo hướng bảo đảm quản lý thống nhất của Trung ương về mục tiêu và danh mục các chương trình, dự án theo quy hoạch; đồng thời phát huy sự năng động, sáng tạo của địa phương trong đầu tư phát triển. Thực hiện cân đối vốn đầu tư theo kế hoạch trung hạn. Chú trọng tái cơ cấu đầu tư của khu vực dân doanh và đầu tư nước ngoài thông qua việc hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, định hướng thu hút đầu tư, nâng cao chất lượng quy hoạch và kiên quyết thực hiện đầu tư theo quy hoạch. Quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ODA.

Đẩy nhanh quá trình cổ phần hóa và sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước, đánh giá toàn diện hiệu quả hoạt động của các tập đoàn kinh tế và tổng công ty. Các tập đoàn, tổng công ty nhà nước chỉ tập trung vào những ngành nghề kinh doanh chính; kiên

quyết thực hiện thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp mà Nhà nước không cần chi phối và thoái vốn đã đầu tư vào các hoạt động ngoài ngành kinh doanh chính. Có phương án sắp xếp kiện toàn các doanh nghiệp thua lỗ. Đổi mới mô hình tổ chức và quản trị tại các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn; đồng thời, hoàn thiện các quy định về quyền đại diện chủ sở hữu và người quản lý trong doanh nghiệp có vốn nhà nước, về cơ chế quản lý tài sản nhà nước tại doanh nghiệp, cơ chế giám sát, kiểm tra và chế tài xử lý. Thực hiện công khai kết quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, đặt doanh nghiệp nhà nước vào môi trường cạnh tranh bình đẳng với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác. Đồng thời, có cơ chế, chính sách để thúc đẩy tái cơ cấu khu vực doanh nghiệp dân doanh.

Tái cơ cấu các ngân hàng thương mại và các định chế tài chính, tín dụng theo hướng tăng hợp lý về quy mô, giảm nhanh số lượng các ngân hàng và tổ chức tín dụng yếu kém; nâng cao chất lượng tín dụng và phát triển các dịch vụ ngân hàng. Có cơ chế chính sách để những ngân hàng có điều kiện phát triển, mở rộng phạm vi hoạt động, đủ sức cạnh tranh trong nước và quốc tế. Kiểm soát chặt chẽ nợ xấu, bảo đảm thanh khoản và an toàn hệ thống ngân hàng thương mại. Kiên quyết khắc phục tình trạng đôla hóa; thiết lập trật tự kỷ cương trong việc sử dụng ngoại tệ; nâng giá trị đồng Việt Nam. Quản lý có hiệu quả thị trường bất động sản, thị trường chứng khoán, thị trường vàng và thị trường ngoại hối. Từng bước giảm tỷ lệ cung cấp vốn cho đầu tư phát triển từ hệ thống ngân hàng thương mại, tăng tỷ trọng huy động vốn từ thị trường chứng khoán và trái phiếu doanh nghiệp.

2.2.3. Tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh và mở rộng thị trường

Cải thiện khả năng tiếp cận vốn của

doanh nghiệp. Ưu tiên tín dụng cho các sản phẩm trọng điểm. Phải đặc biệt quan tâm tháo gỡ các khó khăn vướng mắc, bảo đảm đủ vốn, đủ ngoại tệ cho sản xuất các ngành hàng, các sản phẩm mà thị trường trong nước và xuất khẩu đang có nhu cầu lớn. Thu hút mạnh và giải ngân nhanh các nguồn vốn đầu tư, nhất là các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và có giá trị xuất khẩu lớn.

Sử dụng công cụ thuế một cách linh hoạt, hiệu quả, phù hợp với cam kết quốc tế để giúp doanh nghiệp vượt qua khó khăn, phát triển sản xuất, tăng xuất khẩu và giảm nhập siêu.

Tiếp tục rà soát sửa đổi các quy định, thủ tục hành chính, tạo thuận lợi hơn nữa cho người dân và doanh nghiệp. Phát triển các dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại để mở rộng thị trường, tăng nhanh xuất khẩu. Tập trung đẩy mạnh sản xuất, phát triển dịch vụ và thu hút đầu tư, bảo đảm tăng nguồn cung các hàng hóa và dịch vụ, trực tiếp góp phần kiềm chế lạm phát, giảm nhập siêu. Coi trọng thị trường nội địa, nhất là thị trường nông thôn, miền núi; đẩy mạnh cuộc vận động người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam.

Có giải pháp thiết thực, hiệu quả nhằm phát huy tiềm năng và thế mạnh của nền nông nghiệp. Tập trung tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ, khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với phát triển công nghiệp chế biến. Nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn, có kỹ thuật cao và công nghệ quản lý hiện đại; gắn kết chặt chẽ giữa các khâu sản xuất, chế biến, phân phối, hình thành chuỗi giá trị, bảo đảm phân phối hợp lý lợi ích giữa các công đoạn trong chuỗi giá trị đó, coi đây là định hướng cơ bản để hiện đại hóa nền nông nghiệp nước ta và bảo đảm lợi ích của nông dân. Kiên quyết duy trì đất trồng lúa theo quy

hoạch, bảo đảm an ninh lương thực. Có chính sách hợp lý để hỗ trợ các vùng đồng bằng chuyên tâm sản xuất, chế biến lúa gạo và các hàng nông sản, thực phẩm khác, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, hoàn thiện các tiêu chí để phù hợp với từng vùng.

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu, phát triển các ngành công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn, có nhiều sản phẩm xuất khẩu. Chú trọng phát triển công nghiệp cơ khí trọng điểm, công nghiệp hỗ trợ. Phát triển các dạng năng lượng tái tạo đi đôi với đổi mới công nghệ theo hướng tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng. Rà soát lại quy hoạch các khu kinh tế, khu công nghiệp, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, lãng phí. Tăng cường quản lý các khu kinh tế cửa khẩu, ngăn chặn tình trạng gian lận thương mại, trốn, lậu thuế.

Đẩy mạnh phát triển các lĩnh vực dịch vụ có tiềm năng và lợi thế, các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, nhất là các dịch vụ thông tin truyền thông, giáo dục đào tạo, logistic, du lịch, tài chính và hỗ trợ kinh doanh... Thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển khu vực dịch vụ.

2.2.4. Đẩy mạnh phát triển khoa học công nghệ và tăng cường bảo vệ, cải thiện môi trường, phát triển nguồn nhân lực

Tiếp tục đổi mới đồng bộ cơ chế chính sách và tổ chức bộ máy quản lý khoa học và công nghệ. Phát triển kinh tế tri thức, thúc đẩy tái cơ cấu nền kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế. Tập trung triển khai các chương trình, đề án khoa học công nghệ cấp quốc gia. Quản lý có hiệu quả các quỹ đổi mới và phát triển khoa học công nghệ. Hoàn thiện chính sách phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ; khuyến khích doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nhất là công nghệ cao, công nghệ tiết kiệm nguyên liệu và

năng lượng. Tăng cường các hoạt động nghiên cứu ứng dụng gắn với sản xuất và chuyển giao công nghệ. Phát triển mạnh các dịch vụ khoa học và công nghệ, nhất là dịch vụ thông tin, tư vấn, môi giới, thẩm định, giám định công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. Phát triển và kiện toàn hệ thống các trung tâm ứng dụng khoa học công nghệ.

Nhà nước ưu tiên đầu tư, đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa và huy động các nguồn lực quốc tế để thực hiện Chiến lược an sinh xã hội giai đoạn 2011 - 2020 và Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững. Phấn đấu mỗi năm giảm 2% tỷ lệ hộ nghèo và giảm nhanh hơn tại các huyện nghèo nhất. Đẩy mạnh thực hiện các chương trình dạy nghề, nhất là dạy nghề cho lao động nông thôn gắn với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn. Phấn đấu mỗi năm tạo việc làm mới cho 1,6 triệu lao động; phấn đấu thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân vào năm 2014. Tích cực thực hiện Chương trình quốc gia về an toàn và vệ sinh lao động.

Tập trung triển khai thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục và Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2011 - 2020. Khẩn trương rà soát, hoàn thiện quy hoạch hệ thống các cơ sở giáo dục đào tạo. Đổi mới quản lý giáo dục đồng thời với việc đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp dạy và học; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, nhất là giáo dục đại học và dạy nghề. Hoàn thiện cơ chế tài chính và đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục. Chú trọng phát triển giáo dục ở các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn. Tăng cường đào tạo theo nhu cầu xã hội.

Tập trung hoàn thiện thể chế và tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ tài nguyên, môi trường. Phân cấp quản lý gắn với đề cao trách nhiệm, đồng thời tăng cường kiểm tra,

thanh tra và xử lý vi phạm, nhất là đối với hoạt động khai thác tài nguyên. Xử lý nghiêm các vi phạm và các dự án không đáp ứng yêu cầu về môi trường: Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư, ứng dụng khoa học, công nghệ vào cải thiện môi trường, thu gom, xử lý, tái chế chất thải. Triển khai có hiệu quả các chương trình, đề án lớn về môi trường, nhất là về nước sạch và vệ sinh môi trường; quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên nước; bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học; xử lý chất thải, các cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng; ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

2.2.5. Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và đẩy mạnh kinh tế đối ngoại

Thực hiện có hiệu quả chương trình cải cách hành chính, chú trọng cải cách thể chế và thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và nhân dân. Tập trung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, nhất là thị trường tài chính, tiền tệ và thị trường bất động sản. Sửa đổi Luật Đất đai, bảo đảm quyền của Nhà nước trong việc thu hồi đất cho mục đích phát triển, xử lý hài hòa lợi ích của người giao đất và người nhận đất để đầu tư sản xuất kinh doanh. Coi trọng phản biện xã hội, tăng cường tham vấn nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp và các chuyên gia khi xây dựng thể chế, đề cao trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước.

Phân tích đánh giá về chỉ số cạnh tranh quốc gia và chỉ số tự do kinh tế, tập trung khắc phục các khâu yếu, phần đầu nâng bậc xếp hạng tín nhiệm của nước ta. Tiếp tục đổi mới tổ chức và phương thức vận hành của bộ máy nhà nước. Hoàn thiện quy chế quản lý cán bộ công chức, quy định rõ chức danh, tiêu chuẩn của từng vị trí, xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn, nghĩa vụ và quyền lợi. Hoàn thiện chế tài xử lý vi phạm đối với cán bộ, công chức. Đổi mới chế độ tiền lương và

chính sách động viên, khuyến khích cán bộ công chức.

Nâng cao chất lượng quy hoạch và quản lý phát triển theo quy hoạch, bảo đảm tính liên ngành, liên vùng. Rà soát, hoàn thiện cơ chế phân cấp quản lý giữa trung ương và địa phương; gắn phân cấp với tăng cường kiểm tra, giám sát và tính tự chịu trách nhiệm. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động và có chế tài cụ thể để nâng cao ý thức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng chống tham nhũng, tập trung vào các biện pháp phòng ngừa. Tiếp tục rà soát hoàn thiện thể chế, tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạt động của bộ máy nhà nước. Xử lý kịp thời, nghiêm minh, đúng pháp luật những trường hợp vi phạm.

Tăng cường công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế. Phối hợp chặt chẽ giữa ngoại giao nhà nước với đối ngoại của Đảng và ngoại giao nhân dân. Chủ động tham gia có trách nhiệm vào các cơ chế khu vực và toàn cầu, tạo môi trường thuận lợi để huy động có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài cho xây dựng và bảo vệ đất nước. Tăng cường công tác tuyên truyền và thông tin đối ngoại, giới thiệu, quảng bá bản sắc văn hóa dân tộc và hình ảnh quốc gia. Tạo điều kiện hỗ trợ đồng bào ta làm ăn, sinh sống ở nước ngoài và làm cầu nối hữu nghị giữa Việt Nam với các nước. Khuyến khích cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài đóng góp thiết thực vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.../.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 24-2-2011.
2. Kết luận 02 của Bộ Chính trị.
3. Nghị quyết các phiên họp Quốc hội và Chính phủ năm 2011.
4. Báo cáo thống kê hàng tháng kinh tế Việt Nam của Tổng cục Thống kê năm 2011.